SỞ GD&ĐT BẮC NINH
LIÊN TRƯỜNG THPT

Ngày: 02/11/2025

ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KHỐI 12
LẦN 1, NĂM HỌC 2025 - 2026
Môn: Địa lí
*Thời gian làm bài: 50 **phút** (không kể thời gian giao đề)*

Câu 1. Nước ta nằm ở
A. rìa phía nam của vùng xích đạo.
B. vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
C. khu vực phía tây Ấn Độ Dương.
D. phía đông của Thái Bình Dương.

Câu 2. Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có
A. rừng thường xanh chiếm ưu thế.
B. gió Mậu dịch thổi quanh năm.
C. lượng mưa phân bố theo mùa.
D. các dãy núi hướng vòng cung.

Câu 3. Vùng ven biển Bắc Trung Bộ nước ta khô nóng vào đầu mùa hạ chủ yếu do tác động của
A. Tín phong bán cầu Bắc, Tín phong bán cầu Nam và gió phơn Tây Nam.
B. gió Tây Nam từ Bắc Ấn Độ Dương thổi đến và Tín phong bán cầu Bắc.
C. Tín phong bán cầu Nam, các gió hướng đông bắc và gió phơn Tây Nam.
D. gió Tây Nam từ Bắc Ấn Độ Dương thổi đến và Tín phong bán cầu Nam.

Câu 4. Biểu hiện của địa hình xâm thực mạnh là
A. đất trượt, đá lở. **B.** bồi tụ, xói mòn. **C.** mở rộng, đá lở. **D.** sạt lở, lắng tụ.

Câu 5. Sông ngòi nước ta giàu phù sa là do
A. địa hình có độ dốc lớn, lớp phủ rừng bị phá hủy, nhiệt độ cao, mưa nhiều quanh năm.
B. địa hình dốc, lớp vỏ phong hóa dày, mưa nhiều theo mùa, lớp phủ thực vật bị phá hủy.
C. nhiều đồi núi, lớp phủ rừng bị phá hủy, mưa nhiều tập trung theo mùa, lòng sông rộng.
D. phong hóa mạnh, chế độ mưa theo mùa, sông chủ yếu ngắn dốc, thực vật bị phá hủy.

Câu 6. Quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm là
A. quá trình bồi tụ.
B. quá trình feralit.
C. quá trình xâm thực.
D. quá trình rửa trôi.

Câu 7. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh phổ biến ở nước ta là
A. xavan, bụi gai hạn nhiệt đới vùng khô hạn.
B. rừng rậm gió mùa nửa rụng lá vào mùa khô.
C. rừng lá rộng và lá kim ôn đới trên núi cao.
D. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

Câu 8. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo thuận lợi chủ yếu nào đối với sản xuất nông nghiệp ở nước ta?
A. Cây trồng và vật nuôi sinh trưởng quanh năm.
B. Đa dạng sản phẩm và tăng cường cơ giới hoá.
C. Mở rộng diện tích và tăng năng suất cây trồng.
D. Nguồn lao động và thị trường tiêu thụ mở rộng.

Câu 9. Thành phần loài chiếm ưu thế trong rừng của phần lãnh thổ phía Bắc là
A. xích đạo. **B.** nhiệt đới. **C.** cận nhiệt. **D.** ôn đới.

Câu 10. Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Nam là
A. rừng lá rộng và lá kim ôn đới.
B. đới rừng cận xích đạo gió mùa.
C. đới rừng ở vùng địa trung hải.
D. hoang mạc và bán hoang mạc.

Câu 11. Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo Đông - Tây chủ yếu do tác động kết hợp của
A. địa hình, lượng mưa.
B. gió mùa, hướng núi.
C. vĩ độ địa lí, gió tây.
D. sông ngòi, gió mùa.

Câu 12. Giới hạn dưới của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Nam cao hơn so với miền Bắc nước ta chủ yếu do
A. nằm ở những vĩ độ cao hơn, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Tín phong.
B. có đồng bằng châu thổ thấp phẳng, ảnh hưởng Biển Đông sâu sắc hơn.

C. nằm ở những vĩ độ thấp hơn, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

D. ảnh hưởng của Tín phong bán cầu Bắc, dải hội tụ nhiệt đới mạnh hơn.

Câu 13. Các nhân tố chủ yếu tạo nên sự khác biệt về số tháng có nhiệt độ dưới chỉ tiêu nhiệt đới giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, vị trí ở cách xa xích đạo, bão và dải hội tụ.

B. vị trí nằm ở gần ngoại chí tuyến, gió mùa đông, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.

C. các loại gió thổi trong mùa hạ, hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh, vị trí ở xa xích đạo.

D. vị trí ở trong vùng nội chí tuyến, gió đông bắc, frông lạnh và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 14. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG NĂM 2022 CỦA TRẠM QUAN TRẮC HUẾ

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Nhiệt độ *(°C)*	21,6	19,4	24,3	24,6	26,6	29,7	29,1	28,4	27,5	24,7	25,2	20,1
Lượng mưa *(mm)*	95,6	70,8	128,3	381,0	157,3	33,8	61,3	157,5	448,8	1366,5	226,4	786,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, để thể hiện nhiệt độ và lượng mưa các tháng năm 2022 của trạm quan trắc Huế, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Miền. **B.** Cột. **C.** Đường. **D.** Kết hợp.

Câu 15. Nguyên nhân nào sau đây **không** gây suy giảm tài nguyên nước?

A. Tình trạng mất rừng đầu nguồn. **B.** Xả thải mà chưa được xử lí.

C. Xây dựng các công trình thuỷ lợi. **D.** Thiên tai và biến đổi khí hậu.

Câu 16. Ô nhiễm không khí xảy ra chủ yếu ở khu vực nào sau đây ở nước ta?

A. Khu vực nông thôn có hoạt động sản xuất nông nghiệp phát triển.

B. Khu vực đô thị có hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển.

C. Khu vực miền núi, trung du có trồng nhiều cây công nghiệp.

D. Khu vực đồng bằng có trồng nhiều cây lương thực, thực phẩm.

Câu 17. Đặc điểm dân số nước ta hiện nay **không** phải là

A. có quy mô dân số lớn. **B.** gia tăng tự nhiên rất cao.

C. có nhiều dân tộc ít người. **D.** dân tộc Kinh là đông nhất.

Câu 18. Tỉ trọng nhóm người cao tuổi ở nước ta có xu hướng tăng chủ yếu do

A. tuổi thọ trung bình thấp. **B.** hệ quả của tăng dân số.

C. tỉ lệ gia tăng dân số giảm. **D.** mức sống được nâng cao.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin:

Phần lãnh thổ trên đất liền của nước ta có toạ độ từ 8°34′B đến 23°23′B và từ kinh độ 102°09′Đ đến 109°28′Đ. Phần lãnh thổ trên biển nước ta còn kéo dài tới khoảng vĩ độ 6°50’B và từ kinh độ 101°Đ đến khoảng 117°20’Đ trên Biển Đông. Vùng trời của nước ta là khoảng không gian rộng lớn bao trùm trên lãnh thổ phần đất liền, mở rộng đến hết ranh giới ngoài của lãnh hải và không gian trên các đảo, quần đảo.

a) Việt Nam nằm hoàn toàn ở bán cầu Bắc và ở nửa cầu Đông.

b) Chủ quyền lãnh thổ theo chiều bắc – nam kéo dài khoảng 16,6 vĩ độ.

c) Phần lãnh thổ phía Bắc có vĩ độ cao hơn phần lãnh thổ phía Nam.

d) Vùng trời của nước ta rộng lớn bao trùm toàn bộ các vùng biển, đảo.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ mang tính chất cận xích đạo rõ rệt. Từ Đà Nẵng, nhiệt độ trung bình năm trên 25°C, tổng nhiệt độ trên 9.000°C và biên độ nhiệt năm dưới 9°C. Trong chế độ mưa thể hiện rõ hai giá trị cực đại và hai giá trị cực tiểu của lượng mưa tương ứng với hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh. Trong đó tháng mưa nhiều nhất có quan hệ với sự hoạt động của đường hội tụ nhiệt đới, thường xảy ra vào các tháng 7 và 9. Tháng có lượng mưa thấp nhất thường vào tháng 1.

a) Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ phần lớn có mùa mưa vào thu đông.

b) Tính chất cận xích đạo của khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ tăng dần về phía vĩ độ cao.

c) Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có sự tương phản rõ rệt về nhiệt độ và lượng mưa trung bình năm giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên.

d) Biên độ nhiệt độ năm của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ thấp hơn miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ do vị trí gần xích đạo, hầu như không chịu tác động gió mùa Đông Bắc, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Tỷ trọng nhóm dân số trẻ từ 0-14 tuổi giảm từ 24,3% năm 2019 xuống khoảng 23,9% năm 2023; trong khi nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên tăng nhanh, từ 11,9% năm 2019 lên 13,9% vào năm 2023. Nhóm dân số trong độ tuổi từ 15-59 tuổi chiếm 63,8% năm 2019 giảm xuống còn 62,2% năm 2023.

a) Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta đang biến đổi nhanh chóng.

b) Nhóm dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm tỉ lệ thấp nhất trong tổng số dân nước ta.

c) Hiện nay nhóm dân số phụ thuộc có quy mô lớn hơn nhóm dân số lao động.

d) Nguyên nhân của già hóa dân số nước ta là do tỉ lệ sinh giảm và chất lượng cuộc sống chậm cải thiện.

Câu 4. Cho biểu đồ:

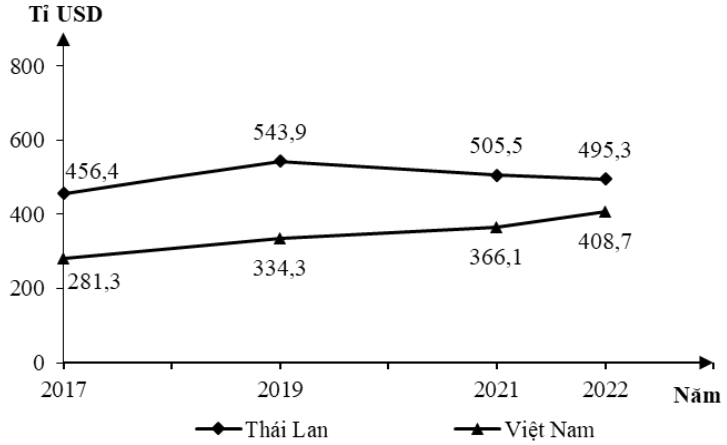

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2017 - 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2023, https://www.aseanstats.org)

a) GDP của Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam trong giai đoạn 2017 - 2022.

b) GDP của Thái Lan tăng liên tục trong giai đoạn 2017 - 2022.

c) GDP của Việt Nam tăng liên tục trong giai đoạn 2017 - 2022.

d) Năm 2022 so với năm 2017, giá trị GDP tăng thêm của Việt Nam gấp hơn 3 lần giá trị GDP tăng thêm của Thái Lan.

PHẦN III. Trả lời ngắn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Câu 1. Bản đồ có tỉ lệ là 1 : 6 000 000, khoảng cách từ Vĩnh Yên (Phú Thọ) đến Hạ Long (Quảng Ninh) đo được trên bản đồ là 3 cm. Vậy khoảng cách thực tế từ Vĩnh Yên đến Hạ Long (theo đường chim bay) là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Một tàu đánh cá đang ngoài khơi, có vị trí cách đường cơ sở của vùng biển nước ta là 102 hải lí, vậy con tàu đó cách đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

Lượng mưa trung bình các tháng của Tuyên Quang, năm 2022

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	110,7	241,1	192,0	64,7	541,2	243,8	234,3	447,8	301,1	35,4	11,2	12,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, tháng mưa nhiều nhất của Tuyên Quang gấp bao nhiêu lần tháng mưa ít nhất? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2022 tại trạm quan trắc Cà Mau

(Đơn vị: ^0C)

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Nhiệt độ	25,1	25,3	26,8	27,1	28,7	29,4	28,9	28,6	28,4	26,8	26,7	24,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí năm 2022 tại trạm quan trắc Cà Mau là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Diện tích tự nhiên của Việt Nam là 331 212 km^2, số dân năm 2022 là 99,47 triệu người. Mật độ dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu người/km^2? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Dân số Việt Nam là 99 865 243 người. Trong đó có 1 456 789 trẻ em được sinh ra và 703 284 người chết. Vậy tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên của Việt Nam là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

------ HẾT ------

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
B	A	B	A	B	B	D	A	B	B	B	C	B	D	C	B	B	D

1	2	3	4	1	2	3	4	5	6
D-D-D-S	S-S-S-D	D-D-S-S	S-S-D-D	180	167	48,8	4,6	300	0,75